

Bản án số: 291/2019/HS-ST
Ngày 11-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Xuân Giới

- Ông Đoàn Xuân Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công Kh vụ án hình sự thụ lý số 287/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thị Th; sinh ngày 10 tháng 11 năm 1970 tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: tổ 4, khu V, phường V1, Tp H, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ V3 hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Đức T và bà: Lương Thị B; Có chồng là Lê Ngọc T1 và 02 con; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 25/7/2019. Hiện tạm giam. Có mặt

- Bị hại: Nguyễn Văn T2, Sn 1995. Nơi ĐKKHKT: khu Núi Dinh, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Chỗ ở: tổ 2, khu 10, phường B1, Tp H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Duy V3, Sn 1986. Nơi ĐKKHKT: Tổ 3, khu 8, thị trấn T3, huyện H1, tỉnh Quảng Ninh. Chỗ ở: thôn Làng, xã T4, huyện H1, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

- Người làm chứng:

+./ Trần Minh Kh, sinh năm 1954. Địa chỉ: tổ 2, khu 10, phường B1, Tp H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

+./ Trần Thị M, sinh năm 1955. Địa chỉ: tổ 2, khu 10, phường B1, Tp H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

+./ Vũ Thị Bích Th1, sinh năm 1964. Địa chỉ: tổ 2, khu 10, phường B1, Tp H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19giờ 30phút ngày 10/3/2019 Nguyễn Văn T2 dựng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS 14X1-302.96 tại kho xưởng nhà ông Trần Minh Kh (chủ cơ sở sơ chế gia cầm nơi T2 làm việc) để về phòng nghỉ ngơi, đến 02giờ ngày 11/3/2019 anh đi làm đã đóng cửa phòng nhưng không chốt. Lợi dụng sơ hở và nắm được quy luật sinh hoạt nhà ông Kh khi làm thuê tại đây, do thiếu tiền chi tiêu đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, khoảng 5giờ cùng ngày Trần Thị Th đi bộ qua phía sau nhà ngang men theo dốc vào phòng ngủ anh T2, mở tủ quần áo lấy trong ví 01 chìa khóa xe máy, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe và 800.000đ rồi quay ra ngoài, đến khoảng 7giờ 30phút ngày 11/3/2019 Th quay lại mở cửa kho, dùng chìa mở khóa xe, nổ máy đi thẳng vào huyện H1, tỉnh Quảng Ninh bán xe cho Nguyễn Duy V3 với giá 14.500.000đ. Khoảng 09giờ 45phút cùng ngày, ông Kh kiểm tra, phát hiện mất xe đã thông báo cho anh T2. Ngày 11/3/2019 anh T2 đã tới Công an phường B1, Tp H trình báo sự việc.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS 14X1-302.96 ; 01 đăng ký xe mô tô số 021337 mang tên chủ sở hữu Nguyễn Văn T2; 01 chìa khóa xe mô tô màu đen có biểu tượng Honda; 01 chiếc mũ bảo hiểm nửa đầu màu đỏ có chữ Honda H6;

Bản kết luận định giá tài sản số 28/BBĐG ngày 20/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H, kết luận: giá của tài sản tại thời điểm bị xâm phạm là 19.599.300đ (*Mười chín triệu năm trăm chín chín nghìn ba trăm đồng*).

Kết luận giám định số 63/GĐSK,SM ngày 05/4/2019 kết luận: số khung, số máy của xe mô tô gửi giám định không bị tẩy xóa

Cáo trạng số 221/CT-VKSHL ngày 26/8/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Trần Thị Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp H giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt Trần Thị Th từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2019. Về vật chứng là chiếc xe mô tô, giấy đăng ký và chìa khóa kèm theo xe đã được xử lý nên không đề cập giải quyết. Về bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả cho bị cáo chiếc mũ bảo hiểm, bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T2 800.000đ, bồi thường cho anh Nguyễn Duy V3 14.500.000đ.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu, việc bị truy tố và đưa ra xét xử là đúng người đúng tội không oan, đã được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; được giải thích về việc công bố bản án trên Cổng thông tin điện tử và xin được giảm nhẹ hình phạt. Chiếc áo mưa và mũ bảo hiểm màu trắng sử dụng khi trộm cắp tài sản bị cáo đã vứt trên đường đi, còn chiếc mũ bảo hiểm bị thu giữ là tài sản cá nhân, bị cáo xin được nhận lại. Về yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường.

Bị hại Nguyễn Văn T2 có lời khai thể hiện: ngày 10/3/2019 anh để xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS 14X1-302.96 tại kho xưởng nhà ông Kh để về phòng ngủ, đến khoảng 09giờ 45phút ngày 11/3/2019 phát hiện bị mất xe; 01 chìa khóa kèm theo xe; 01 Giấy chứng nhận đăng ký và 800.000đ. Sau khi xem lại Camera, nghi Trần Thị Th là người trộm cắp tài sản, ngày 11/3/2019 anh đến Công an phường B1, Tp H trình báo sự việc; Khoảng cuối tháng 3/2019 anh nhận được điện thoại, tin nhắn của bị cáo xin được trả lại số tiền đã bán xe nhưng bị cáo chưa thực hiện. Tài sản bị trộm cắp đã nhận lại, anh không yêu cầu về bồi thường dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Duy V3 có lời khai thể hiện khoảng 12giờ ngày 11/3/2019 bị cáo đến cửa hàng để bán cho anh xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS 14X1-302.96 giá 14.500.000đ. Khi được biết chiếc xe do trộm cắp mà có anh đã giao nộp lại tài sản cho Công an và yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại số tiền này.

Người làm chứng: ông Trần Minh Kh có lời khai thể hiện khoảng 08giờ 40phút ngày 11/3/2019, ông đi chợ về thấy cửa kho mở; sau khi cùng T2 kiểm tra, phát hiện mất xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS 14X1-302.96 cùng chìa khóa, giấy đăng ký và 800.000đ ông cùng bị hại đến trình báo Công an phường B1, Tp H; bà Trần Thị M và bà Vũ Thị Bích Th1 cùng chứng kiến bị cáo mặc áo mưa đỏ, bịt khẩu trang điều khiển xe mô tô màu đỏ đen đi ra từ sân nhà ông Kh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bảo đảm các quyền, nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo về việc nảy sinh ý định và lén lút trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân phù hợp với lời Kh của các bị hại về việc mất tài sản; phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc mua tài sản trộm cắp và tự nguyện giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền; phù hợp lời khai của người làm chứng về việc chứng kiến bị cáo điều khiển xe mô tô trộm cắp được; phù hợp với bản ảnh, bản ảnh hiện trường, bản ảnh vật chứng, bản ảnh trích xuất từ camera; bản ảnh tin nhắn, nhật ký cuộc gọi và hình ảnh trong đĩa DVD do bị hại cung cấp.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận vào khoảng 05giờ 30 phút ngày 11/3/2019 tại tổ 2, khu 10, phường B1, Tp H, tỉnh Quảng Ninh Trần Thị Th đã trộm cắp 01 mô tô Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS 14X1-302.96; 01 chìa khóa và 01 Giấy chứng nhận đăng ký kèm theo xe mô tô BKS 14X1-302.96 cùng 800.000đ của anh Nguyễn Văn T2. Tổng trị giá tài sản 20.399.300đ (*Hai mươi triệu ba trăm chín mươi chín nghìn ba trăm đồng*). Tội danh và hình phạt được tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[3] Tính chất mức độ, hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vi phạm pháp luật, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội; lén lút, lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của bị hại để chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, phải chịu trách nhiệm về hành vi tương ứng với tính chất mức độ, mức độ tội phạm tội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết xem xét giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về phần bồi thường dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo phải bồi thường là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với hành vi mua mô tô **BKS 14X1-302.96** Nguyễn Duy V3 không biết chiếc mô tô là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[6] Về vật chứng: bị hại đã nhận lại tài sản, giấy đăng ký và chìa khóa, Hội đồng xét xử không xem xét. Chiếc mũ bảo hiểm là tài sản cá nhân, không ảnh hưởng đến xử lý vụ án và thi hành án nên trả lại bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: bị cáo không nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Trần Thị Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Trần Thị Th 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2019.

Căn cứ Điều 357, Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự: buộc bị cáo Trần Thị Th phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T2 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*), bồi thường cho anh Nguyễn Duy V3 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự).

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự: **trả lại bị cáo Trần Thị Th 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đỏ trên mũ có chữ Honda H6 (Tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng số 03/BB-THA ngày 26/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H).**

Căn cứ Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 765.000đ (*Bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án báo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trở lại hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- VKS, CA, THADS Tp H;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Tâm

Nơi nhận:

- VKS; CA; THADS Tp H;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thơ Nguyễn Thị Kim Loan

Lê Thanh Tâm